

Số: 117.1/CN-ACBS.06
No: 117.1/CN-ACBS.06

TPHCM, ngày 03 tháng 07 năm 2026
Ho Chi Minh City, July 03, 2026

THÔNG BÁO NOTIFICATION

Chào bán trái phiếu ra công chúng lần 1 năm 2026 (Đợt 1)

Initial public offering of bonds in 2026 (Tranche 1)

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 320/GCN-UBCK do
Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/06/2026)

(Certificate of Registration for Public Offering of Bonds No. 320/GCN-UBCK issued by the
Chairman of the State Securities Commission on June 30, 2026)

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành/ Introduction to the Issuer

1. Tên Tổ chức phát hành (đầy đủ): Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Issuer Name: ACB Securities Company

2. Tên viết tắt/ Short name: ACBS

3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, Số 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh

Head Office Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City

4. Số điện thoại/Tel: 028. 7300 7300 Fax: 028. 7300 3751 Website: www.acbs.com.vn

5. Vốn điều lệ: 11.000.000.000.000 đồng (Mười một nghìn tỷ đồng chẵn)

Charter capital: VND 11,000,000,000,000 (Eleven trillion dong)

6. Mã cổ phiếu (nếu có): Không

Stock code (if any): None

7. Nơi mở tài khoản thanh toán/ Place for opening payment account:

- Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Lê Ngô Cát/ Asia Commercial Bank – Le Ngo Cat Branch
- Số hiệu tài khoản/ Account No.: 1163999

8. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0302030508 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/06/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 08/06/2026.



Business Registration Certificate: 0302030508 issued by the Ho Chi Minh City Department of Finance on June 29, 2000, with the 20th amendment registered on June 8, 2026.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Môi giới chứng khoán
- *Primary business line: Securities brokerage*
- Mã ngành/Industry code: 6612
- Sản phẩm/dịch vụ chính/ *Main products/Services:*
 - *Môi giới chứng khoán/ Stockbroker*
 - *Tự doanh chứng khoán/ Securities trading*
 - *Bảo lãnh phát hành chứng khoán/ Underwriting of securities*
 - *Tư vấn đầu tư chứng khoán/ Stock investment consulting*

9. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu 29/06/2000, và điều chỉnh lần gần nhất theo Giấy phép điều chỉnh số 62/GPĐC-UBCK ngày 29/05/2026.

Securities Business Operation License: No. 06/GPHEKD, issued by the Chairperson of the State Securities Commission of Vietnam on June 29, 2000, most recently amended according to Amendment License No. 62/GPDC-UBCK dated May 29, 2026.

II. Mục đích chào bán/ Purpose of the bond offering

ACBS thực hiện phát hành trái phiếu để bổ sung nguồn vốn kinh doanh (100% đầu tư cho hoạt động tự doanh chứng khoán), phù hợp với quy định của pháp luật.

ACBS conducts the bond offering to supplement working capital (100% invest in securities proprietary trading activities), in accordance with applicable regulations.

III. Phương án chào bán/ Offering plan

1. Tên trái phiếu: Trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026

Bond name: The first public offering of ACBS bonds in 2026.

Tên trái phiếu cụ thể của Đợt 1 là: Trái phiếu ACBS phát hành ra công chúng lần 1 năm 2026 (Đợt 1)

The specific bond name for Tranche 1 is: The first public offering of ACBS bonds in 2026 ([Tranche 1])

2. Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có đảm bảo
Type of bonds: The bonds are non-convertible, without warrants, unsecured
3. Mã trái phiếu: Sẽ được Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định hiện hành sau khi Công ty TNHH Chứng khoán ACB hoàn tất đợt chào bán và thực hiện các thủ tục đăng ký tập trung tại VSDC.
Bond code: Will be issued by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) in accordance with current regulations after ACB Securities Company Limited completes the offering and carries out centralized registration procedures at VSDC.
4. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 (Một trăm nghìn đồng)/trái phiếu
Par value of the Bond: VND 100,000 (One hundred thousand dong)/Bond

5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 30.000.000 (ba mươi triệu) trái phiếu, dự kiến chào bán 03 (ba) đợt, trong đó:
Total number of bonds offered: 30,000,000 (thirty million) bonds, expected to be offered in 03 (three) tranches, including:

- Số lượng trái phiếu chào bán Đợt 1: 10.000.000 (Mười triệu) trái phiếu, cụ thể như sau:
The number of bonds offered to be issued in tranche 1: 10,000,000 (Ten million) bonds, specifically as follows:

Ký hiệu trái phiếu Bond symbol	Số lượng (trái phiếu) Number (bonds)
ACBS-1.1	3.000.000 3,000,000
ACBS-2.1	3.000.000 3,000,000
ACBS-3.1	4.000.000 4,000,000
Tổng cộng	10.000.000 10,000,000

- Trường hợp trái phiếu chưa phát hành hết trong mỗi đợt, số lượng Trái phiếu còn lại chưa bán hết sẽ được hủy.
In the event that the bonds are not fully issued in each tranche, the remaining unsold Bonds will be cancelled.
 - Thời gian chào bán của từng đợt phát hành không được kéo dài quá 90 ngày và khoảng cách giữa đợt phát hành sau với đợt phát hành trước không quá 12 tháng.
The offering period of each issuance tranche will not exceed 90 days, and the interval between a subsequent issuance tranche and the preceding issuance tranche will not exceed 12 months.
6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 3.000.000.000.000 đồng (Ba nghìn tỷ đồng), trong đó:

Total value of bonds offered at par value: VND 3,000,000,000,000 (Three trillion dong), of which:

Giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá Đợt 1: 1.000.000.000.000 đồng (Một nghìn tỷ đồng)

Value of bonds offered at par value, Tranche 1: VND 1,000,000,000,000 (One trillion dong)

7. Giá chào bán: 100.000 VND (một trăm ngàn đồng)/trái phiếu

Offering price: 100,000 VND (one hundred thousand dong) per bond.

8. Lãi suất/ *Interest:*

- Phương thức lãi suất áp dụng: Lãi suất cố định.
Applicable interest rate method: Fixed interest rate
- Nguyên tắc để xác định mức lãi suất cố định: được căn cứ theo Lãi suất tham chiếu, biên độ lãi suất và được tính theo công thức:

The principle for determining a fixed interest rate: based on the Reference interest rate, interest rate margin, and is calculated using the following formula:

Mức Lãi suất = Lãi Suất Tham Chiếu + Biên độ lãi suất.

Interest Rate = Reference Interest Rate + Interest Rate Margin.

Trong đó, biên độ lãi suất trái phiếu áp dụng đối với 3 nhóm trái phiếu như sau:

Specifically, the interest rate margins applicable to three bond groups are as follows:

Nhóm trái phiếu	Đợt phát hành/ <i>Tranches</i>			Biên độ lãi suất (%)
	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
<i>Bond group</i>	<i>Tranche 1</i>	<i>Tranche 2</i>	<i>Tranche</i>	<i>Interest rate margin (%)</i>
Nhóm 1 năm <i>1-year group</i>	ACBS-1.1	ACBS-1.2	ACBS-1.3	2,3 2.3
Nhóm 2 năm <i>2-year group</i>	ACBS-2.1	ACBS-2.2	ACBS-2.3	2,5 2.5
Nhóm 3 năm <i>3-year group</i>	ACBS-3.1	ACBS-3.2	ACBS-3.3	2,7 2.7

Chú thích/Note:

- *Lãi Suất Tham Chiếu*: là trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân thông thường, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương), trả lãi cuối kỳ được công bố trên trang thông tin điện tử chính thức (website) của bốn (04) ngân hàng thương mại Việt Nam tại Ngày xác định lãi suất, tương ứng theo các tên viết tắt như sau: Ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank (mỗi ngân hàng này được gọi là “Ngân hàng Tham Chiếu”).

Reference Interest Rate: is the average of the interest rates on regular personal savings deposits, 12-month term (or equivalent), interest paid at the end of the term, published on the official websites of four (04) Vietnamese commercial banks on the Interest Rate Determination Date, corresponding to the following abbreviations: Vietcombank, Vietinbank, BIDV and Agribank (each of these banks is called the “Reference Bank”).

- *Biên độ lãi suất*: là tỷ lệ phần trăm trên một năm, được cộng thêm cùng với Lãi Suất Tham Chiếu.

Interest rate margin: This is a percentage rate per year, added to the Reference Interest Rate.

- *Ngày Xác Định Lãi Suất*: được thông báo chính thức khi thực hiện công bố thông tin trước mỗi đợt phát hành (là ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký mua trái phiếu).

Interest Rate Determination Date: Officially announced during the pre-issuance information disclosure (this is the date when bond subscription applications begin to be accepted).

- Theo đó, tại Ngày Xác Định Lãi Suất Đợt 1, Công ty TNHH Chứng khoán ACB sẽ công bố Lãi suất Trái phiếu Đợt 1 trên trang thông tin điện tử (website) tại ngày bắt đầu nhận đơn đăng ký đặt mua Trái phiếu Đợt 1.

Accordingly, at Interest Rate Determination Date for Tranche 1, ACB Securities Company will announce the interest rate for Tranche 1 bond on its website on the date when the Tranche 1 bond subscription applications begin to be accepted.

9. Kỳ hạn trái phiếu/ *Tenor of bonds*:

Nhóm trái phiếu	Đợt phát hành/ <i>Tranches</i>			Kỳ hạn (năm)
	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
<i>Bond group</i>	<i>Tranche 1</i>	<i>Tranche 2</i>	<i>Tranche</i>	<i>Tenor (Year)</i>
Nhóm 1 năm <i>1-year group</i>	ACBS-1.1	ACBS-1.2	ACBS-1.3	1
Nhóm 2 năm <i>2-year group</i>	ACBS-2.1	ACBS-2.2	ACBS-2.3	2
Nhóm 3 năm <i>3-year group</i>	ACBS-3.1	ACBS-3.2	ACBS-3.3	3

ACBS không thực hiện quyền mua lại trái phiếu trước hạn/ *ACBS will not exercise its right to redeem the bonds prior to maturity.*

10. Kỳ trả lãi: Lãi được trả sau, định kỳ 12 (mười hai) tháng một lần

Interest payment period: Interest is paid in arrears, periodically once every 12 (twelve) months

11. Phương thức phân phối: Bán trực tiếp cho Nhà Đầu Tư mua trái phiếu thông qua Hội sở, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của ACBS.

Distribution method: Direct sale to investors purchasing bonds through ACBS's Head Office, Branches, and Transaction Offices.

12. Số lượng đăng ký mua tối thiểu:

- Đối với nhà đầu tư là cá nhân: Số lượng đặt mua tối thiểu 100.000 (một trăm nghìn) trái phiếu hoặc bội số của 100.000 (một trăm nghìn) Trái phiếu.
- *For individual investors: The minimum subscription amount is 100,000 (one hundred thousand) bonds or a multiple of 100,000 (one hundred thousand) bonds.*
- Đối với nhà đầu tư là tổ chức kinh tế: Số lượng đặt mua tối thiểu 1.000.000 (một triệu) trái phiếu hoặc bội số của 1.000.000 (một triệu) trái phiếu.
- *For institutional investors: The minimum subscription amount is 1,000,000 (one million) bonds or a multiple of 1,000,000 (one million) bonds.*

13. Thời gian nhận đăng ký đặt mua trái phiếu: Từ ngày 28/07/2026 đến ngày 25/08/2026

Bond subscription period: From July 28, 2026 to August 25, 2026

14. Địa điểm nhận đăng ký mua trái phiếu:

Tại Hội sở, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của ACBS trên toàn quốc. Chi tiết các địa chỉ Hội sở, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch đăng tải tại: <https://acbs.com.vn/lien-he>

At ACBS Head Office, Branches, and Transaction Offices nationwide. Details of Head Office, Branches, and Transaction Office addresses can be found at: <https://acbs.com.vn/lien-he>

15. Thời gian nhận tiền mua trái phiếu: **Từ ngày 28/07/2026 đến ngày 25/08/2026**

*Bond purchase payment period: **From July 28, 2026 to August 25, 2026***

16. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu/ *The blocked account for receiving payments from bond purchases*

- Số tài khoản/ *Account No.*: 8660006995
- Tên tổ chức (tên Tài khoản): Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Organization Name (Account Name): Công ty TNHH Chung khoan ACB
- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Bank Name: Vietnam Investment and Development Bank (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch
- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TPHCM
Address: No 56 (bis), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City

17. Địa điểm công bố Bản cáo bạch/ *Location for the publication of the Prospectus*

Bản Cáo Bạch và các tài liệu liên quan khác được đăng tải tại trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Chứng khoán ACB: www.acbs.com.vn

The Prospectus and other related documents are posted on the website of ACB Securities Company: www.acbs.com.vn

IV. Các tổ chức liên quan/ *Related Organization*

1. Tổ chức kiểm toán/ *Audit organization:*

CÔNG TY TNHH KPMG – CHI NHÁNH HỒ CHÍ MINH

KPMG CO. LTD – HO CHI MINH BRANCH

Địa chỉ: Tầng 10, Tòa nhà Sunwah, Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Address: 10th Floor, Sunwah Building, 115 Nguyen Hue Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Điện thoại/Tel: (028) 3821 9266

Fax: (028) 3821 9267

2. Đại diện người sở hữu trái phiếu/ *Bondholder representative*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KAFI

KAFI SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Phòng 1403, Lầu 14, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Address: Room 1403, 14th Floor, Sailing Tower, 111A Pasteur Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Điện thoại/Tel: (028) 7102 9898

Fax: (028) 3999 1198

3. Tổ chức xếp hạng tín nhiệm/ *Credit rating agency*:

CÔNG TY CỔ PHẦN FIINRATINGS

FIINRATINGS JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Tầng 10, Toà nhà Peakview Tower, 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Address: 10th Floor, Peakview Tower, 36 Hoang Cau Street, O Cho Dua Ward, Hanoi City, Vietnam.

Điện thoại/Tel: (024) 3562 6962

4. Tổ chức mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu/ *The organization opens a blocked account to receive funds for bond purchases*

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỶ KHỞI NGHĨA

VIETNAM INVESTMENT AND DEVELOPMENT COMMERCIAL BANK – NAM KY KHOI NGHIA BRANCH

Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Address: No. 56 (bis), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Điện thoại/Tel: (028) 3821 8812

Fax: (028) 3821 8813

Nơi nhận/ Recipient:

- CBTT theo quy định của pháp luật/ *Information disclosure in accordance with the law;*
- Lưu HCTH/ *Filing HCTH.*

HCM..., ngày 03 tháng 07 năm 2026

Ho Chi Minh City, July 3, 2026

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

ACB SECURITIES COMPANY

TỔNG GIÁM ĐỐC

PRESIDENT & CEO



Nguyễn Đức Hoàn